TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HS-ST
Ngày 19-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Xuân Giới và ông Nguyễn Đăng Cường

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cảnh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Phương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị T1 (**tên gọi khác: không), sinh ngày 12 tháng 8 năm 1988; tại tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 11, khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; chồng: không có; con: có 01 con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Quốc T2 (**tên gọi khác: không), sinh ngày 08 tháng 3 năm 1979; tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Quốc C (đã chết) và bà Lê Thị N, sinh năm 1948; vợ: Phạm Thị Thu H, sinh năm 1978; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 02/8/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 06 tháng tù, về tội "Đánh bạc"; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3. Họ và tên: **Trần Văn B** (tên gọi khác: không), sinh ngày 07 tháng 12 năm 1974; tại huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: khu dân cư N, phường T, thị xã K,

tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N (đã chết) và bà Trương Thị C (đã chết); vợ: Trần Thị H, sinh năm 1975; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

4. Họ và tên: **Lý Văn T3** (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 4 năm 1999; tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: tổ 2, khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn S, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

5. Họ và tên: **Phan Thị Diễm T4** (tên gọi khác: không), sinh ngày 08 tháng 9 năm 1994; tại huyện C, tỉnh Đồng Nai; nơi thường trú: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: tổ 9, khu 9, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Quang B, sinh năm 1963 và bà Trần Thị Phi A, sinh năm 1968; chồng: Văn Minh N, sinh năm 1993 (đã ly hôn); con: có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

6. Họ và tên: **Hoàng Thị T5** (tên gọi khác: không), sinh ngày 12 tháng 02 năm 1989; tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi thường trú: thôn D, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở: đường H, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị B (đã chết); chồng: Âu Văn H, sinh năm 1984; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 29/6/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T5:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980, là Luật sư của Công ty luật TNHH MTV T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: số 45 đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Vi Thị Minh T6, Nguyễn Trọng T. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quốc T2 và Trần Văn B là bạn bè với nhau. Sáng ngày 28/6/2022, T2 nảy sinh ý định rủ B cùng đi hát và sử dụng ma túy nên T2 gọi điện cho B và nói "đi chơi" thì B hiểu ý T2 muốn rủ mình sử dụng ma túy nên đồng ý. Cả hai bàn

bạc thống nhất rủ thêm bạn gái cùng đi nghe nhạc và sử dụng ma túy, tất cả chi phí cho việc sử dụng ma túy gồm: tiền mua ma túy, thuê phòng hát và thuê nhân viên sẽ chia đều cho cả hai người và B sẽ ứng tiền trước. Thống nhất xong, T2 gọi điện rủ bạn gái là Hoàng Thị T5 đi cùng; còn B gọi điện hỏi Nguyễn Thị T1, là chủ quán Karaoke L, ở tổ 11, khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh để đặt phòng làm nơi phục vụ nghe nhạc và sử dụng ma túy. T2 thấy B gọi điện thuê phòng "bay" thì hiểu là thuê phòng sử dụng ma túy thì đồng ý. B hỏi T2 mua 02 viên ma túy, loại thuốc lắc và 01 gam ma túy, loại Ketamine để sử dụng tại quán, T1 đồng ý và báo giá 500.000 đồng/viên ma túy, loại thuốc lắc và 2.300.000 đồng/01 gam ma túy, loại Ketamine. B đồng ý và bảo T1 lấy ma túy trước, còn tiền ma túy sẽ thanh toán sau.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T2, B và T5 đi taxi đến quán Karaoke L. Cả ba được T1 sắp xếp vào phòng hát số 02 tầng hai. Sau đó B bảo T1 gọi nhân viên đến phục vụ rót bia. T1 gọi cho Nguyễn Trọng T nhờ gọi Vi Thị Minh T6 đến phòng hát phục vụ rót bia. Do B đã gọi điện cho T1 hỏi mua ma túy nên khi T2, B và T5 vào phòng được khoảng 15 phút thì T1 đi vào phòng và để trên mặt loa 01 đĩa sứ màu trắng, trên mặt đĩa có 02 viên ma túy, loại thuốc lắc và 01 túi ma túy, loại Ketamine cùng 01 thẻ nhựa. Khi thấy có ma túy ở phòng, T2 hiểu là ma túy do B đặt mua nên đã lấy 02 viên ma túy, loại thuốc lắc cho vào 02 cốc thủy tinh và đổ nước Coca vào cốc đồng thời dùng dụng cụ gắp đá khuấy tan ma túy, loại thuốc lắc trong cốc. Xong, T2 đưa cho B một cốc ma túy, loại thuốc lắc và mời "Cốc của anh đây, anh uống đi". B đã uống hết một nửa cốc, còn lại nửa cốc của B để lên bàn với mục đích khi T6 đến thì mời T6 sử dụng. Còn lại 01 cốc thì T2 uống một nửa cốc, còn nửa cốc T2 mời T5 sử dụng. Một lúc sau, Vi Thị Minh T6 đến phòng hát thì B cầm nửa cốc Coca nói trên mời T6 sử dụng. T6 hỏi B "Cái gì đây anh?" thì B nói "Kẹo đấy, em uống đi" đồng thời B đưa cho T6 cốc ma túy, loại thuốc lắc, T6 cầm và uống hết.

Sau khi sử dụng hết số ma túy, loại thuốc lắc thì T lấy túi ma túy, loại Ketamine đổ một nửa ra đĩa sứ còn một nửa T2 để trên bàn trong phòng hát. T2 dùng thẻ nhựa màu cam đánh nhuyễn ma túy, loại Ketamine và kẻ thành từng đường. Do không thấy ống hút nên T2 hỏi mọi người trong phòng "Không có ống hút à?" thì T5 hiểu là T2 đang tìm tiền lẻ cuộn thành ống hút ma túy hít ma túy nên quay sang hỏi B "Anh B có tiền lẻ không?". B liền đưa cho T5 tờ tiền mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng). T5 cuộn tờ tiền thành ống hút rồi đưa cho T2. Xong, T2 cầm đĩa ma túy và ống hút do T5 vừa cuộn đưa cho B, T5 và T6 sử dụng. Cả ba đều đã dùng ống hút sử dụng 02 đường ma túy, loại Ketamine rồi đưa lại cho T2 tự sử dụng 02 đường ma túy, loại Ketamine cho bản thân. Tiếp đó, cả nhóm ngồi hát và nghe nhạc ở trong phòng thì đến 12 giờ 10 phút cùng ngày Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Công an phường Hà Tu, thành phố Hạ Long đến kiểm tra phát hiện thu giữ vật chứng: thu trên mặt loa 01 đĩa sứ màu trắng trên mặt đĩa có chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là chất ma túy), 01 thẻ nhựa màu cam, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (ống hút và thẻ nhựa đều dính chất tinh thể màu trắng). Thu trên mặt bàn: 01 túi nilon kích thước khoảng (2,5x2,5)cm bên

trong có chứa chất tinh thể màu trắng, nghi là chất ma túy (kí hiệu M2). Cơ quan điều tra đã đổ toàn bộ chất tinh thể màu trắng trên mặt đĩa vào túi nilon kích thước (4x7,5)cm (kí hiệu M1). Chất tinh thể màu trắng dạng vết dính trên đĩa sứ, thẻ nhựa và ống hút (lần lượt kí hiệu M3, M4, M5) và tiến hành thu giữ mẫu nước tiểu của các đối tượng nêu trên.

Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long ra lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Quốc T2, Trần Văn B, Hoàng Thị T5 và Nguyễn Thị T1. Thu giữ của T2 01 điện 01 nhãn hiệu MASSTEL gắn sim số 0915.441.575 và 01 căn cước công dân mang tên Lê Quốc T2; thu giữ của B 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen gắn sim số 0392.674.041, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone vỏ màu xanh gắn sim số 0328.495.932, 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn B và số tiền 4.000.000 đồng; thu giữ của T5 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng gắn sim số 0967.067.949 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị T5; thu giữ của T1 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung vỏ màu đen gắn sim số 0387.023.246.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Quốc T2, Trần Văn B, Hoàng Thị T5 và Nguyễn Thị T1 khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Ngoài ra, B còn khai: về việc chiều ngày 23/6/2022, B đã 03 lần mua ma túy (loại thuốc lắc, Ketamine) của Nguyễn Thị T1, với tổng số tiền là 11.200.000đ (mười một triệu, hai trăm nghìn đồng) để cho B và một số bạn (không rõ lai lịch, địa chỉ) sử dụng tại quán Karaoke L và 01 lần mua ma túy của Phan Thị Diễm T4 vào tối ngày 27/6/2022, tại khu vực bờ biển gần quán Karaoke K, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, với tổng số tiền là 9.700.000đ (chín triệu, bảy trăm nghìn đồng) để B sử dụng.

Nguyễn Thị T1 khai nhận về việc chiều ngày 23/6/2022, T1 đã 03 lần bán ma túy (loại thuốc lắc, Ketamine) cho Trần Văn B, với tổng số tiền là 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm nghìn đồng). Đồng thời, T1 cho B cùng nhóm bạn sử dụng ma túy tại quán Karaoke L. Về nguồn gốc ma túy bán cho Trần Văn B: vào khoảng 11 giờ ngày 28/6/2022 là do T1 mua của Lý Văn T3 với giá 3.200.000 đồng tại quán Karaoke L và trước đó, vào khoảng 22 giờ ngày 27/6/2022, cũng tại địa điểm trên, T1 mua 02 viên ma túy, loại thuốc lắc với giá 1.000.000 đồng, để bán cho người khách không quen biết đến quán. Ngoài ra, T1 khai nhận đã 03 lần mua ma túy của Phan Thị Diễm T4 với tổng số tiền là 10.800.000 đồng. Một lần vào chiều 21/6/2022, T1 mua của T4 04 viên ma túy, loại thuốc lắc với giá 2.000.000 đồng. Hai lần vào chiều ngày 23/6/2022, mỗi lần T1 mua của T4 4.400.000 đồng ma túy, loại Ketamine. Toàn bộ số ma túy, loại thuốc lắc và Ketamine này, T1 đã bán cho B như nêu trên.

Căn cứ vào tài liệu điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phan Thị Diễm T4 đồng thời khám xét chỗ ở tại tổ 9, khu 9, phường H, thành phố H thu giữ trong túi giả da ở trên giường ngủ, bên trong có 01 túi nilon kích thước khoảng (4x3)cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phan Thị Diễm T4, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng hồng

không lắp sim số và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu xanh gắn sim số 0974.149.507.

Phan Thị Diễm T4 khai nhận hành vi phạm tội của mình: đã bán ma túy cho Trần Văn B 01 lần vào tối ngày 27/6/2022 tại khu vực bờ biển gần quán Karaoke K, phường C, thành phố H như B khai nêu trên. Loại ma túy T4 bán cho B là thuốc lắc và Ketamine với tổng số tiền là 9.700.000 đồng. T4 khai 03 lần bán ma túy cho T1 tại quán Karaoke L, với tổng số tiền là 10.800.000 đồng. Ngoài ra, T4 còn 01 lần bán ma túy cho đối tượng tên Đ (không rõ lai lịch, địa chỉ), với giá 2.000.000 đồng. Về nguồn gốc ma túy bán cho Trần Văn B là do T4 mua của 01 người đàn ông tên T (không rõ lai lịch, địa chỉ) vào tối ngày 27/6/2022, với giá 9.700.000 đồng. Riêng túi ma túy công an thu giữ trong phòng trọ là do T4 nhặt được, mục đích để bán với giá 2.200.000 đồng. Ngoài ra, T4 còn khai vào khoảng 16 giờ, ngày 21/6/2022, T4 gọi điện hỏi mua của Lý Văn T3 04 viên ma túy, loại thuốc lắc với giá 1.800.000 đồng, sau đó T4 cầm ma túy đến quán Karaoke Linh T1 bán cho T4. Tiếp đến, vào ngày 23/6/2022, tại khu trọ, T4 mua của T3 04 viên ma túy, loại thuốc lắc với giá 1.800.000 đồng và bán lại cho Đ (không rõ lai lịch, địa chỉ).

Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan điều tra ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lý Văn T3. Lý Văn T3 thừa nhận hành vi phạm tội: T3 đã 08 lần bán ma túy (loại thuốc lắc, Ketamine) cho T1 và T4. Trong đó, T3 bán cho T1 03 lần với tổng số tiền 6.400.000 đồng và 05 lần bán ma túy cho T4 với tổng số tiền là 13.000.000 đồng. Về nguồn gốc số ma túy bán cho T1 và T4 do T3 mua của một người đàn ông tên H (không rõ lai lịch, địa chỉ).

Kết luận giám định số 1093/KL-KTHS ngày 06/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: mẫu vật kí hiệu từ M1 đến M5 gửi giám định là ma túy; loại: Ketamine; khối lượng như sau: M1: 0,079 gam, M2: 0,356 gam; M3, M4, M5 dạng vết không xác định được khối lượng. Tổng khối lượng M1, M2 là 0,435 gam.

Kết luận giám định số 1094/KL-KTHS ngày 06/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: mẫu vật thu giữ của Phan Thị Diễm T4 gửi giám định là ma túy; loại: Ketamine; khối lượng: 0,852 gam.

Kết luận giám định số 1095/KL-KTHS ngày 06/7/2022 kết luận: trong mẫu nước tiểu thu giữ của Lê Quốc T2, Trần Văn B, Vi Thị Minh T6, Hoàng Thị T5 có MDMA và Dehydronorketamine. Trong mẫu nước tiểu của Nguyễn Thị T1 không chứa chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa chất ma túy.

Tại bản Cáo trạng số: 252/CT-VKSHL, ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh truy tố Nguyễn Thị T1, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm b, d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật hình sự; Lê Quốc T2, Trần Văn B, Hoàng Thị T5, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Phan Thị Diễm T4 và Lý Văn T3 về tội "Mua bán

trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt chính:

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Thị T1 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 năm tù, về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt: bị cáo Nguyễn Thị T1 phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là từ 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 29/6/2022.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Lê Quốc T2 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 139/2022/HS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long: bị cáo Lê Quốc T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/6/2022 (được trừ đi những ngày đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2022 đến ngày 25/4/2022).

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Trần Văn B từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 29/6/2022.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Hoàng Thị T5 từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 29/6/2022.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phan Thị Diễm T4 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 29/6/2022.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Lý Văn T3 từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 29/6/2022.

* Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

- Đối với 0,34g (không phẩy ba bốn gam) Ketamine; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 thẻ nhựa màu cam có ghi chữ nước ngoài mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1093/KLKTHS ngày 06/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 0,81g (không phẩy tám một gam) Ketamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1094/KLKTHS ngày 06/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh là vật nhà nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 túi xách giả da màu đen thu giữ của Phan Thị Diễm Thương, bị cáo dùng chiếc túi để cất giấu ma túy. Chiếc túi xách giả da không còn giá trị sử dụng. Do đó, căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại nhãn hiệu HUAWEI, màu xanh gắn 01 sim thu giữ của Lê Quốc T2; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 11 Pro Max), màu xanh gắn 01 sim thu giữ của Trần Văn B; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone XS Max), màu vàng gắn 01 sim thu giữ của Hoàng Thị T5; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu đen gắn 01 sim thu giữ của Nguyễn Thị T1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 12 Pro Max), màu xanh gắn 01 sim thu giữ của Phan Thị Diễm T4; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia model 1174, màu đen gắn 01 sim thu giữ của Lý Văn T3. Các bị cáo đều sử dụng điện thoại vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 10.000đ (mười nghìn đồng), có mã kí hiệu KO18971138 là mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì số 1093/KLKTHS ngày 06/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh là tiền của bị cáo Trần Văn B bỏ ra để T5 cuộn thành ống hút để sử dụng ma túy. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 căn cước công dân số 030079009647 mang tên Lê Quốc T2; 01 căn cước công dân số 030074019045 mang tên Trần Văn B; 01 (một) chứng minh nhân dân số 070796528 mang tên Hoàng Thị T5; 01 chứng minh nhân dân số 272314029 mang tên Phan Thị Diễm T4; 01 căn cước công dân 022099005240 mang tên Lý Văn T3 đều là giấy tờ cá nhân của các bị cáo, cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với: 01 điện thoại nhãn hiệu MASSEL, màu đen gắn 01 sim thu giữ của Lê Quốc T2; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA model 1174, màu đen gắn 01 sim thu giữ của Trần Văn B; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 7 Plus), màu trắng hồng không gắn sim thu giữ của Phan Thị Diễm T4. Các bị cáo không sử dụng điện thoại nêu trên vào việc thực hiện hành vi phạm tội; số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của Trần Văn B, đây là tiền không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại điện thoại cho các bị cáo Lê Quốc T2, Trần Văn B, Phan Thị Diễm T4 và trả lại 4.000.000 đồng cho bị cáo Trần Văn B.

Bị cáo Lý Văn T3 bán trái phép chất ma túy cho Phan Thị Diễm T4, thu về số tiền là 13.000.000 đồng và 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thị T1, thu về số tiền là 6.400.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T3 có được do bán trái phép chất ma túy là 19.400.000 đồng;

Bị cáo Phan Thị Diễm T4 bán trái phép chất ma túy 03 lần cho Nguyễn Thị T1, thu về số tiền 10.800.000 đồng và bán bán trái phép chất ma túy 01 lần cho Trần Văn B, thu về số tiền 9.700.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T4 có được do bán trái phép chất ma túy là 20.500.000 đồng;

Bị cáo Nguyễn Thị T1 bán trái phép chất ma túy 03 lần cho Trần Văn B, tổng số tiền bị cáo T1 có được do bán trái phép chất ma túy cho B là 11.200.000 đồng.

Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần truy thu của bị cáo Lý Văn T3 số tiền 19.400.000 đồng; truy thu của bị cáo Phan Thị Diễm T4 số tiền 20.500.000 đồng; truy thu của bị cáo Nguyễn Thị T1 số tiền 11.200.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

* Bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành Hạ Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

xét lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, bản ảnh vật chứng, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/6/2022 đến ngày 27/6/2022, trên địa bàn các phường H và phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Lý Văn T3 đã 05 lần bán trái phép chất ma túy cho Phan Thị Diễm T4, với tổng số tiền thu được là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Ngoài ra, vào các ngày 27, 28/6/2022, tại quán Karaoke L thuộc tổ 11, khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Lý Văn T3 đã 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thị T1, với tổng số tiền thu được là 6.400.000đ (sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Vào khoảng 16 giờ ngày 21/6/2022 và chiều ngày 23/6/2022, tại quán Karaoke L thuộc tổ 11, khu 6, phường H, thành phố H, Phan Thị Diễm T4 đã có 03 lần bán trái phép cho Nguyễn Thị T1, với tổng số tiền thu được là 10.800.000đ (mười triệu, tám trăm nghìn đồng); tiếp đó vào khoảng 22 giờ ngày 27/6/2022, tại khu vực gần quán Karaoke K thuộc phường C, thành phố H, T4 còn có hành vi bán trái phép chất ma túy 01 lần cho Trần Văn B, với giá 9.700.000đ (chín triệu, bảy trăm nghìn đồng). Ngoài ra Phan Thị Diễm T4 còn có hành vi tàng trữ trái phép 0,852g (không phẩy tám năm hai gam) ma túy, loại Ketamine tại nơi ở thuộc tổ 9, khu 9, phường H, thành phố H cũng nhằm mục đích để bán.

Chiều ngày 23/6/2022, tại quán Karaoke L thuộc tổ 11, khu 6, phường H, thành phố H, Nguyễn Thị T1 bán trái phép chất ma túy cho 03 lần Trần Văn B, với tổng số tiền thu được là 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm nghìn đồng) để B sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát do T1 quản lý. Tiếp đó, vào khoảng 11 giờ ngày 28/6/2022, cũng tại địa điểm trên, Nguyễn Thị T1 bán trái phép chất ma túy cho Trần Văn B với số tiền 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng), B chưa trả tiền mua ma túy cho T1.

Trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 12 giờ 10 phút, ngày 28/6/2022 tại quán Karaoke L thuộc tổ 11, khu 6, phường H, thành phố H Nguyễn Thị T1 có hành vi cho Trần Văn B thuê phòng số 02, quán Karaoke L do T1 quản lý để Trần Văn B, Lê Quốc T2, Hoàng Thị T5 tổ chức cho nhau và tổ chức cho Vi Thị Minh T6 sử dụng trái phép chất ma túy, thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Công an phường Hà Tu, thành phố Hạ Long kiểm tra bắt giữ, thu toàn bộ vật chứng. Ngoài ra, Công an còn thu giữ 0,435g (không phẩy bốn ba năm gam) ma túy, loại Ketamine của Trần Văn B và Lê Quốc T2 đang sử dụng dở dang.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, xâm phạm đến chế độ của Nhà nước về quản lý các chất ma túy.

Do đó, hành vi trái pháp luật như nêu trên của Nguyễn Thị T1, đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm b, d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự; hành vi trái pháp luật của Lê Quốc T2, Trần Văn B,

Hoàng Thị T5 đã cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; hành vi trái pháp luật của Lý Văn T3, Phan Thị Diễm T4 đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị T1, Lê Quốc T2, Trần Văn B, Hoàng Thị T5, Lý Văn T3 và Phan Thị Diễm T4 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Văn B tại quán Karaoke L vào chiều ngày 23/6/2022, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị T1 và Trần Văn B khai phù hợp với nhau về nội dung sự việc mua bán trái phép chất ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy chiều ngày 23/6/2022:

Thứ nhất: bị cáo T1 đã bán trái phép chất ma túy cho bị cáo B 03 lần, B đã trả đủ cho T1 số tiền mua ma túy là 11.200.000 đồng;

Thứ hai: bị cáo T1 cho bị cáo B sử dụng ma túy tại phòng số 2 quán Karaoke L.

Bị cáo Trần Văn B, Lê Quốc T2 và Phan Thị Diễm T4 đều có lời khai phù hợp với nhau về việc sử dụng ma túy tại phòng hát số 2 quán Karaoke L vào chiều ngày 23/6/2022:

Bị cáo B khai: ngày 23/6/2022, bị cáo đi cùng T và nhóm bạn đến quán L thuê phòng hát. T2 đến hát, uống bia rồi về trước và không sử dụng ma túy tại phòng; bị cáo B có sử dụng ma túy loại Ketamine tại phòng hát, ngoài ra không nhìn thấy ai sử dụng ma túy.

Bị cáo T4 khai: chiều ngày 23/6/2022, T4 phục vụ rót bia tại phòng hát tại quán Karaoke L thì nhìn thấy B, T2 và nhóm bạn gồm khoảng 03 người nhưng T4 không biết nhóm người đó là ai. Tại phòng hát, T4 có nhìn thấy B sử dụng ma túy, loại Ketamine còn những người còn lại có sử dụng ma túy không thì bị cáo không nhìn thấy; còn bị cáo T4 khi đó chỉ phục vụ rót bia cho khách chứ không sử dụng ma túy cùng với B.

Bị cáo T2 khai: chiều ngày 23/6/2022, tại phòng hát của quán Karaoke L bị cáo có mặt ở phòng hát khoảng 15 đến 20 phút, trong phòng hát có khoảng 05, 06 người, bị cáo T2 chỉ biết B, T4 còn nhóm người còn lại bị cáo không biết họ là ai.

Đối với những người đi cùng B đến quán L ngày 23/6/2022: ngay sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: B đều khai không nhớ nhóm bạn đi cùng mình. Các bị cáo T2, T1, T4 đều khai không biết nhóm bạn của B đến quán Karaoke vào chiều 23/6/2022 là những ai nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Như vậy, mặc dù bị cáo T1 và bị cáo B đều có lời khai phù hợp với nhau về việc chiều ngày 23/6/2022, bị cáo T1 có bán trái phép cho bị cáo B và để cho bị cáo

B sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát do bị cáo T1 quản lý; bị cáo B có mua ma túy của bị cáo T1 và một mình bị cáo B sử dụng ma túy tại phòng hát của quán Karaoke L nhưng không có căn cứ để xác định, chứng minh "Ai là người chỉ huy, phân công, điều hành các hoạt động đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác", không xác định được người nào khác đã sử dụng trái phép chất ma túy ngoài bị cáo B.

Do đó, hành vi của bị cáo B như nêu trên không thỏa mãn các dấu hiệu mặt khách quan của tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ xử lý B S về hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" vào chiều ngày 23/6/2022.

[4] Về vai trò của các bị cáo Trần Văn B, Lê Quốc T2, Hoàng Thị T5 trong tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy": Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Lê Quốc T2 là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo B là người điện thoại cho bị cáo T1 để mua ma túy, đặt phòng sử dụng trái phép chất ma túy; T2 là người "Đánh Ketamine" mời Trần Văn B, Hoàng Thị T5 và Vi Thị Minh T6 sử dụng ma túy; bị cáo T2 và bị cáo B bàn bạc trước với nhau mọi chi phí cho việc sử dụng trái phép chất ma túy sẽ do B ứng trước tiền trả cho bị cáo T1, sau đó bị cáo T2 và B sẽ chia đôi, mỗi người chịu ½. Quá trình sử dụng ma túy, bị cáo T5 lấy tờ tiền mệnh giá 10.000đ do bị cáo T2 đưa để B cuộn thành ống hút đưa cho T2, để T2 mời T5, B và T6 sử dụng. Do vậy, bị cáo T2 và B giữ vai trò ngang nhau, bị cáo T5 giữ vai trò sau bị cáo T2 và B.

[5] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị T1, Lý Văn T3 và Phan Thị Diễm T4: vì các bị cáo thực hiện hành vi độc lập, nên từng bị cáo sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự riêng rẽ về tội tương ứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Lê Quốc T2: ngày 02/4/2022, bị cáo thực hiện hành vi "Đánh bạc" và bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2022 đến ngày 25/4/2022 được thay thế biện pháp "Tạm giam" bằng biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh". Ngày 28/6/2022, bị cáo thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 02/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội "Đánh bạc". Nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T2.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lê Quốc T2 có bố là ông Lê Quốc C là thương binh, thương tật hàng 4/4; Ông được Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương kháng chiến hàng nhất; Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba.

Nên, bị cáo Lê Quốc T2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mẹ của bị cáo Phan Thị Diễm T4 là bà Trần Thị Phi A, được Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo tặng "Huy chương vì sự nghiệp giáo dục", nên bị cáo T4 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về áp dụng hình phạt chính và tổng hợp hình phạt:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T1: khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện được quy định tại khoản 2 Điều 251 và khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 251 và khoản 2 Điều 256 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Bị cáo T1 bị xét xử cùng 01 lần phạm 02 tội (Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy). Nên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử sẽ quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt của hai tội.

Đối với bị cáo Lê Quốc T2, Trần Văn B: khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện được quy định tại khoản 2 Điều Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Quốc T2 và Trần Văn B.

Vì bị cáo Lê Quốc T2 đang phải chấp hành hình phạt 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 39/2022/HS-ST ngày 02/8/2022, mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này (Bản án số 39/2022/HS-ST ngày 02/8/2022), thì Tòa án quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo Lê Quốc T2.

Đối với bị cáo Lý Văn T3, Phan Thị Diễm T4: khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện được quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lý Văn T3, Phan Thị Diễm T4.

Đối với bị cáo Hoàng Thị T5: bị cáo Hoàng Thị T5 có hành vi lấy tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn thành ống hút rồi đưa cho T2 để cả nhóm sử dụng trái phép chất ma túy. Xong, T2 cầm đĩa ma túy, loại Ketamine và ống hút do T5

vừa cuộn đi mời B, T6 và T5 sử dụng ma túy. Bị cáo T5 không bàn bạc với B, T2; không góp tiền để tổ chức sử dụng ma túy; không đi mua ma túy, không chuẩn bị địa điểm, không mời ai trong nhóm sử dụng trái phép chất ma túy. Khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Thị T đã thực hiện được quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo T5 phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể (bị cáo chỉ thực hiện hành vi cuộn ống hút đưa cho T2 để T2 mời cả nhóm sử dụng trái phép chất ma túy). Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo T5 vừa đảm bảo quy định, vừa thể hiện tính chất khoan hồng của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe.

[9] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 251, khoản 5 Điều 255 và khoản 3 Điều 256 của Bộ luật Hình sự quy định: người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

Đối với 0,34g (không phẩy ba bốn gam) Ketamine; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 thẻ nhựa màu cam có ghi chữ nước ngoài mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1093/KLKTHS ngày 06/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 0,81g (không phẩy tám một gam) Ketamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1094/KLKTHS ngày 06/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh là vật nhà nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; đối với 01 túi xách giả da màu đen thu giữ của Phan Thị Diễm T4, bị cáo dùng chiếc túi để cất giấu ma túy. Chiếc túi xách giả da không còn giá trị sử dụng. Do đó, căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu HUAWEI, màu xanh gắn 01 (một) sim thu giữ của Lê Quốc T2; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 11 Pro Max), màu xanh gắn 01 (một) sim thu giữ của Trần Văn B; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone XS Max), màu vàng gắn 01 (một) sim thu giữ của Hoàng Thị T5; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu đen gắn 01 (một) sim thu giữ của Nguyễn Thị T1; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 12 Pro Max), màu xanh gắn 01 (một) sim thu giữ của Phan Thị Diễm T4; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia model 1174, màu đen gắn 01 (một) sim thu giữ của Lý Văn T3. Các bị cáo đều sử dụng điện thoại vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng), có mã kí hiệu KO18971138 là mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì số 1093/KLKTHS ngày 06/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh là tiền của bị cáo Trần Văn

B bỏ ra để T5 cuộn làm ống hút sử dụng ma túy. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 căn cước công dân số 030079009647 mang tên Lê Quốc T2; 01 (một) căn cước công dân số 030074019045 mang tên Trần Văn B; 01 (một) chứng minh nhân dân số 070796528 mang tên Hoàng Thị T5; 01 (một) chứng minh nhân dân số 272314029 mang tên Phan Thị Diễm T4; 01 (một) căn cước công dân số 022099005240 mang tên Lý Văn T3 đều là giấy tờ cá nhân của các bị cáo, nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với: 01 điện thoại nhãn hiệu MASSEL, màu đen gắn 01 sim thu giữ của Lê Quốc T2; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA model 1174, màu đen gắn 01 sim thu giữ của Trần Văn B; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 7 Plus), màu trắng hồng không gắn sim thu giữ của Phan Thị Diễm T4, các bị cáo không sử dụng điện thoại nêu trên vào việc thực hiện hành vi phạm tội; số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của Trần Văn B, đây là tiền không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại cho các bị cáo.

Bị cáo Lý Văn T3 bán trái phép chất ma túy cho Phan Thị Diễm T4, thu về số tiền là 13.000.000 đồng và 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thị T1, thu về số tiền là 6.400.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T3 có được do bán trái phép chất ma túy là 19.400.000 đồng;

Bị cáo Phan Thị Diễm T4 bán trái phép chất ma túy 03 lần cho Nguyễn Thị T1, thu về số tiền 10.800.000 đồng và bán bán trái phép chất ma túy 01 lần cho Trần Văn B, thu về số tiền 9.700.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T4 có được do bán trái phép chất ma túy là 20.500.000 đồng;

Bị cáo Nguyễn Thị T1 03 lần bán trái phép chất ma túy cho Trần Văn B (ngày 23/6/2022), thu về số tiền là 11.200.000 đồng; ngày 28/6/2022, T1 bán trái phép chất ma túy cho B, với số tiền là 3.300.000 đồng (nhưng B chưa trả cho T1, thì bị bắt).

Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần truy thu của bị cáo Lý Văn T3 số tiền 19.400.000 đồng; truy thu của bị cáo Phan Thị Diễm T3 số tiền 20.500.000 đồng; truy thu của bị cáo Nguyễn Thị T1 số tiền 11.200.000 đồng đều sung vào ngân sách nhà nước.

[11] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định; Tại phiên tòa các bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; riêng bị cáo Lê Quốc T2, Phan Thị Diễm T4

áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự), như nhận định của Hội đồng xét xử tại mục 7 phần Nhận định của Tòa án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị T1 (bà nội bị cáo T1 là bà Nguyễn Thị Đ, được Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu đã có con độc nhất hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc; bác ruột là ông Nguyễn Đức Đ là liệt sĩ), Phan Thị Diễm T4 (bà nội của bị cáo là "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", ông nội của bị cáo là liệt sĩ), Hoàng Thị T5 (hộ cận nghèo). Căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận tình tiết giảm nhẹ nêu trên đối với bị cáo Nguyễn Thị T1, Phan Thị Diễm T4 và Hoàng Thị T5.

[12] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Thị T1, Lê Quốc T2, Trần Văn B, Phan Thị Diễm T4 và Lý Văn T3 phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Thị T5 là người dân tộc thiểu số, cư trú tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Ủy ban nhân dân xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xác nhận hộ gia đình của bị cáo là hộ cận nghèo.

Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị được miễn án phí. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nên miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Hoàng Thị T5.

[13] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[14] Liên quan trong vụ án:

Đối với Vi Thị Minh T6 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 02, quán Karaoke L thuộc tổ 11, khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 28/6/2022, chưa đủ điều kiện để xử lý hình sự, Công an thành phố Hạ Long đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với các đối tượng tên H, theo T3 khai là người bán ma túy cho T3; đối tượng tên Th, theo T4 khai là người bán ma túy cho T4; đối tượng tên Đ, theo T4 khai là người mua ma túy của T4, quá trình điều tra không làm rõ được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để điều tra xử lý.

Đối với Phạm Văn T là người đã gọi Vi Thị Minh T6 đến quán, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội, nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Thị T1 07 (bảy) năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt: bị cáo Nguyễn Thị T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 29/6/2022.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Lê Quốc T2 07 (bảy) năm tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù của bản án số 139/2022/HS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long: bị cáo Lê Quốc T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/6/2022 (được trừ đi những ngày đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2022 đến ngày 25/4/2022).

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Trần Văn B 07 (bảy) năm tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 29/6/2022.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Hoàng Thị T5 03 (ba) năm tù, về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 29/6/2022.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Lý Văn T3 08 (tám) năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 29/6/2022.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phan Thị Diễm T4 07 (bảy) năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 29/6/2022.

2. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 0,34g (không phẩy ba bốn gam) Ketamine; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 thẻ nhựa màu cam có ghi chữ nước ngoài mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1093/KLKTHS ngày 06/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 0,81g (không phẩy tám một gam) Ketamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 1094/KLKTHS ngày 06/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 túi xách giả da màu đen.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu HUAWEI, màu xanh gắn 01 (một) sim của Lê Quốc T2; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 11 Pro Max), màu xanh gắn 01 (một) sim thu giữ của Trần Văn B; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone XS Max), màu vàng gắn 01 (một) sim thu giữ của Hoàng Thị T5; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu đen gắn 01 (một) sim thu giữ của Nguyễn Thị T1; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 12 Pro Max), màu xanh gắn 01 (một) sim thu giữ của Phan Thị Diễm T4; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia model 1174, màu đen gắn 01 (một) sim thu giữ của Lý Văn T3; số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng), có mã kí hiệu KO18971138 là mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì số 1093/KLKTHS ngày 06/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh.

Trả lại: 01 (một) căn cước công dân số 030079009647 mang tên Lê Quốc T2 cho bị cáo Lê Quốc T2; 01 (một) căn cước công dân số 030074019045 mang tên Trần Văn B cho bị cáo Trần Văn B ; 01 (một) chứng minh nhân dân số 070796528 mang tên Hoàng Thị T5 cho bị cáo Hoàng Thị T5; 01 (một) chứng minh nhân dân số 272314029 mang tên Phan Thị Diễm T4 cho bị cáo Phan Thị Diễm T4; 01 (một) căn cước công dân số 022099005240 mang tên Lý Văn T3 cho bị cáo Lý Văn T3.

Trả lại: 01 điện thoại nhãn hiệu MASSEL, màu đen gắn 01 (một) sim cho bị cáo Lê Quốc T2; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA model 1174, màu đen gắn 01(một) sim cho bị cáo Trần Văn B; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 7 Plus), màu trắng hồng (không có sim) cho bị cáo Phan Thị Diễm T4.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 38/BB-THA ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)

Trả lại cho bị cáo Trần Văn B số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

(Theo Biên bản giao nhận tài sản số 98/2022/BBBG-CQCSĐTCATPHAL, ngày 12/7/2022, tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh)

Truy thu số tiền do phạm tội mà có sung vào ngân sách nhà nước: truy thu của bị cáo Lý Văn T3 số tiền 19.400.000đ (mười chín triệu, bốn trăm nghìn đồng); truy thu của bị cáo Phan Thị Diễm T4 số tiền 20.500.000đ (hai mươi triệu, năm trăm nghìn đồng); truy thu của bị cáo Nguyễn Thị T1 số tiền 11.200.000đ (mười một triệu, hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị T1, Lê Quốc T2, Trần Văn B, Lý Văn T3, Phan Thị Diễm T4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Thị T5.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: các bị cáo Nguyễn Thị T1, Lê Quốc T2, Trần Văn B, Hoàng Thị T5, Lý Văn T3, Phan Thị Diễm T4 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Hạ Long;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT - CA tp Hạ Long;
- Cơ quan THA hình sự tp Hạ Long;
- Cơ quan THADS tp Hạ Long;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Ngọc An